

Số: **220/2025/QĐST-HNGĐ**

Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1350/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/6/2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ S, khu phố M, phường L, thành phố K, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

2. Bà **Đỗ Thị Ngọc A**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: B, khu phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai) và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 346/2016, quyền số 02/2016. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông T và bà A xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đỗ Minh N, sinh ngày 08/7/2018 và Nguyễn Đỗ Minh K, sinh ngày 16/12/2020. Khi ly hôn, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao 02 (hai) con chung cho bà Đỗ Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng/cháu, tổng mức cấp dưỡng là 8.000.000đ (tám triệu đồng)/tháng/02 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc A mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm.

Xét việc thỏa thuận ly hôn của ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc A là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/8/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc A thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đỗ Minh N, sinh ngày 08/7/2018 và Nguyễn Đỗ Minh K, sinh ngày 16/12/2020 cho bà Đỗ Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng/cháu, tổng mức cấp dưỡng là 8.000.000đ (tám triệu đồng)/tháng/02 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc A mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007528 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai). Các đương sự đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai;
- UBND phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai;
- (GCNKH số 346/2016, quyền số 02/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đồng Thị Kim Thoa